

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**iso-Phytol R**

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Hóa chất dùng cho xà phòng, chất tẩy rửa và mỹ phẩm

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Kích ứng da: Cat.2

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.1

M- nhân tố cấp tính: 1

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025



Cảnh báo:  
Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H315	Gây kích ứng da.
H400	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H410	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P273	Tránh thải vào môi trường.
P280	Đeo găng tay bảo vệ.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P391	Thu gom tràn đổ.
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

3,7,11,15-tetramethylhexadec-1-en-3-ol  
Số CAS: 505-32-8

#### Thành phần nguy hại

3,7,11,15-tetramethylhexadec-1-en-3-ol	
Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$	Skin Corr./Irrit.: Cat. 2
Số CAS: 505-32-8	Aquatic Acute: Cat. 1
	Aquatic Chronic: Cat. 1
	M- nhân tố cấp tính: 1

6,10,14-trimethylpentadecan-2-one

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Hàm lượng (W/W): > 0 % - < 1 %  
Số CAS: 502-69-2

Kích ứng da: Cat. 3  
Aquatic Acute: Cat. 1  
Aquatic Chronic: Cat. 1  
M- nhân tố cấp tính: 1  
M- nhân tố mãn tính: 1

#### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:  
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:  
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
Những mối nguy hiểm: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

#### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
Phun nước, bột khô, bọt chịu cồn, cacbon dioxide

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
những chất dạng hơi có hại, các oxit cacbon  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

**Thông tin bổ sung:**

Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

**Những cảnh báo cá nhân:**

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

**Cảnh báo môi trường:**

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Thông báo ngay cho chính quyền địa phương nếu hoá chất tràn đổ xuống hệ thống cống rãnh hay nguồn nước.

**Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:**

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

---

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

**Hướng dẫn sử dụng**

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín.

**Phòng chống cháy nổ:**

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.

**Hướng dẫn bảo quản**

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Giữ ở nhiệt độ không vượt quá 50°C °C. Bảo quản nơi thông thoáng tốt. Không lưu trữ trong vật chứa kín.

---

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

**Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc**

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

##### Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

##### Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thẩm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

##### Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

##### Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

##### Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Tránh tiếp xúc với da Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng: chất lỏng  
Màu sắc: không màu  
Mùi: mùi hương hoa

Giá trị pH: 6.7  
(0.0058 g/l, 25 °C)

Điểm nóng chảy: không áp dụng  
Điểm sôi: 320 °C

Điểm chớp cháy: 174 °C (ISO 2719, cốc kín)

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas): khó cháy (được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)

Giới hạn nổ dưới (LEL): Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	230 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	225 °C	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	< 0.001 hPa (20 °C) Dữ liệu tài liệu. 0.07 mbar (100 °C)	
Tỷ trọng:	0.843 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)	(ISO 2811-3)
Tỷ trọng tương đối:	tương đương 0.844 (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	10.2 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được tính toán)
Tính tan trong nước:	5.8 mg/l (25 °C)	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	8.8 (25 °C)	(được đo lường)
Hấp thụ/nước - đất:	biểu đồ KOC: 4.296 Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.	(được tính toán)
Sức căng bề mặt:	Dựa trên cấu trúc hóa học, không có khả năng có bề mặt hoạt tính.	
Tính nhớt, động lực:	76.3 mPa.s (20 °C)	(OECD 114)
Khối lượng mol:	296.54 g/mol	

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:  
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: 225 °C (DDK (DIN 51007))

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Những chất cần tránh:  
các axit, các chất bazơ

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:  
Phản ứng tỏa nhiệt mãnh liệt.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:  
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:  
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:  
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50chuột (miệng): > 5,400 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Độc cấp tính trên da

LD50 thỏ (da): > 5,000 mg/kg  
Dữ liệu tài liệu.

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

#### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:  
Tiếp xúc da gây kích ứng. Không gây kích ứng mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:  
Các nghiên cứu trên động vật không loại trừ hoàn toàn nguy cơ gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm sơn trên da chuột lang: mơ hồ

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: mơ hồ (OECD hướng dẫn 406)  
Dữ liệu tài liệu.

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Không có đột biến chất trong các cuộc nghiên cứu động vật có vú.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây ung thư.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Các cuộc nghiên cứu động vật không cho thấy tác động làm suy giảm khả năng sinh sản với các liều lượng không độc đối với động vật bố mẹ.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:  
Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ.

### **Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

### **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:  
Không tìm thấy độc tính lên các cơ quan cụ thể sau khi cho động vật tiếp xúc nhiều lần với hóa chất.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:  
Rất độc (tác động cấp tính) đến thủy sinh vật.  
Sự kìm hãm quá trình phân hủy của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

LC50 (96 h) > 10,000 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)  
Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 0.2 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 84/449/EWG, C.2, bán tĩnh)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) > 500 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (17 h) > 10,000 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 27 (nháp), hiếu khí)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm. Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ từ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

### Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Có thể nhanh chóng phân hủy (theo tiêu chuẩn OECD).

Thông tin bị đào thải:

tương đương 70 - 80 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Vì có thể có hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow) tích tụ trong các cơ quan.

---

## 13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID: UN 3082  
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3,7,11,15-TETRAMETHYLHEXADEC-1-EN-3-OL)  
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM  
Nhóm đóng gói: III  
Mối nguy hiểm về môi trường: Có  
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Chưa có thông tin

### Vận tải đường thủy

IMDG  
Số UN hoặc số ID: UN 3082  
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3,7,11,15-TETRAMETHYLHEXADEC-1-EN-3-OL)  
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM  
Nhóm đóng gói: III  
Mối nguy hiểm về môi trường: Có  
Ô nhiễm hàng hải: CÓ  
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: EmS: F-A; S-F

### Sea transport

IMDG  
UN number or ID number: UN 3082  
UN proper shipping name: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3,7,11,15-TETRAMETHYLHEXADEC-1-EN-3-OL)  
Transport hazard class(es): 9, EHSM  
Packing group: III  
Environmental hazards: yes  
Marine pollutant: YES  
Special precautions for user: EmS: F-A; S-F

### Vận tải hàng không

IATA/ICAO  
Số UN hoặc số ID: UN 3082  
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3,7,11,15-TETRAMETHYLHEXADEC-1-EN-3-OL)  
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM

### Air transport

IATA/ICAO  
UN number or ID number: UN 3082  
UN proper shipping name: ENVIRONMENTAL LY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (3,7,11,15-TETRAMETHYLHEXADEC-1-EN-3-OL)  
Transport hazard class(es): 9, EHSM

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

vận chuyển:		class(es):	
Nhóm đóng gói:	III	Packing group:	III
Mối nguy hiểm về môi trường:	Có	Environmental hazards:	yes
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Chưa có thông tin	Special precautions for user:	None known

### **Thông tin bổ sung**

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 L trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; IATA: A197; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2); 49 CFR: §171.4 (c) (2).

## **15. Thông tin về pháp luật**

### **Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 06.08.2024  
Sản phẩm: **iso-Phytol R**

Phiên bản: 2.0

(30035164/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

---

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

---

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.